

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 33/2021/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14
ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền
đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ
và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của
Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành
Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về
tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh.*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với:

1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Ủy ban nhân dân quận thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ủy ban nhân dân phường thuộc quận, Ủy ban nhân dân phường thuộc thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân phường).

5. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Quy định về quản lý công chức

1. Công chức của Ủy ban nhân dân phường thuộc biên chế công chức của Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và do Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, sử dụng.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, tạm đình chỉ công tác đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận (sau đây gọi là Chủ tịch quận), Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận (sau đây gọi là Phó Chủ tịch quận), giao quyền Chủ tịch quận, quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật.

3. Chủ tịch quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, tạm đình chỉ công tác đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường (sau đây gọi là Chủ tịch phường), Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường (sau đây gọi là Phó Chủ tịch phường), người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, giao quyền Chủ tịch phường theo quy định của pháp luật.

4. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và Chủ tịch quận thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân phường theo quy định của pháp luật về thẩm quyền và phân cấp, ủy quyền.

5. Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân phường.

Điều 4. Chức danh Ủy viên hoạt động chuyên trách tại các Ban thuộc Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

1. Mỗi Ban thuộc Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có 01 Ủy viên hoạt động chuyên trách. Ủy viên hoạt động chuyên trách do Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, phê chuẩn theo đề nghị của Trưởng ban của Hội đồng nhân dân.

2. Chức danh Ủy viên hoạt động chuyên trách (sau đây gọi là Ủy viên chuyên trách) tại các Ban thuộc Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được xác định như sau:

- a) Ủy viên chuyên trách Ban Pháp chế;
- b) Ủy viên chuyên trách Ban Kinh tế - ngân sách;
- c) Ủy viên chuyên trách Ban Văn hóa - xã hội;
- d) Ủy viên chuyên trách Ban Đô thị.

3. Tiêu chuẩn chức danh Ủy viên chuyên trách:

- a) Là đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đương nhiệm;
- b) Có trình độ đại học trở lên, có khả năng tham gia xây dựng chính sách và tổ chức các hoạt động giám sát, có chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn, năng lực phù hợp chức danh Ủy viên chuyên trách quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Các Ủy viên hoạt động chuyên trách được hưởng lương theo quy định pháp luật hiện hành đối với cán bộ, công chức và được hưởng phụ cấp chức vụ bằng chức danh trưởng phòng cấp sở.

Điều 5. Quy định về cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường

Việc sử dụng, quản lý và chế độ, chính sách đối với cán bộ cấp xã thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở phường thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 6. Quy định về người hoạt động không chuyên trách

Căn cứ vào đặc điểm tình hình, yêu cầu của thực tiễn và ngân sách Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở phường và ở tổ dân phố theo quy định của pháp luật.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN, CHẾ ĐỘ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN

Điều 7. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân quận

1. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân quận gồm:

- a) Chủ tịch quận;

- b) Phó Chủ tịch quận;
- c) Trưởng Công an quận;
- d) Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự quận;
- đ) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận;
- e) Các cơ quan hành chính khác và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân quận.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ quy định tại Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP để quy định cụ thể tên gọi và số lượng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận cho phù hợp. Riêng Văn phòng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận gọi là Văn phòng Ủy ban nhân dân quận.

3. Việc thành lập các cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân quận được thực hiện theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính và theo quy định pháp luật chuyên ngành.

4. Việc thành lập các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân quận thực hiện theo quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập và theo quy định tại văn bản pháp luật chuyên ngành.

Điều 8. Nguyên tắc hoạt động của Ủy ban nhân dân quận

1. Ủy ban nhân dân quận làm việc theo chế độ thủ trưởng; bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ.

2. Chủ tịch quận là người đứng đầu Ủy ban nhân dân quận, có trách nhiệm lãnh đạo, quản lý, điều hành Ủy ban nhân dân quận thực hiện chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.

3. Phó Chủ tịch quận giúp Chủ tịch quận giải quyết các công việc theo phân công của Chủ tịch quận, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch quận và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Chủ tịch vắng mặt, một Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy quyền bằng văn bản điều hành, giải quyết công việc và ký các văn bản của Ủy ban nhân dân quận.

Trường hợp khuyết Chủ tịch quận thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định giao quyền Chủ tịch quận cho một Phó Chủ tịch quận cho đến khi có quyết định bổ nhiệm Chủ tịch quận.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quận quy định tại các khoản 2, 3, 5 và 11 Điều 5 Nghị quyết số 131/2020/QH14 phải được thảo luận tập thể trước khi Chủ tịch quận quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Công chức của quận làm việc theo quy chế làm việc, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ và tuân thủ các quy định của pháp luật.

Tập thể quy định tại khoản này gồm: Chủ tịch quận, Phó Chủ tịch quận, Trưởng Công an quận, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự quận và người đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận. Ngoài ra, căn cứ vào nội dung cuộc họp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận có thể mời thêm các thành phần khác có liên quan.

5. Hoạt động của Ủy ban nhân dân quận nhằm đáp ứng sự hài lòng của người dân, tuân thủ trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền được giao, theo đúng quy định của pháp luật và quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân quận.

6. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng dịch vụ công trực tuyến vào giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức tại quận và theo quy định của pháp luật, bảo đảm các hoạt động của Ủy ban nhân dân quận phải dân chủ, công khai, minh bạch, thống nhất, thông suốt.

7. Khi cần thiết, Chủ tịch quận ủy quyền cho Phó Chủ tịch quận, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân quận và Chủ tịch phường để giải quyết một hoặc một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận.

Điều 9. Tổ chức các cuộc họp của Ủy ban nhân dân quận

1. Việc tổ chức các cuộc họp của Ủy ban nhân dân quận thực hiện theo quy chế làm việc, do Chủ tịch quận triệu tập để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Chủ tịch quận mời Bí thư quận ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam của quận, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội của quận, đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ứng cử trên địa bàn quận tham dự cuộc họp của Ủy ban nhân dân quận khi nội dung cuộc họp có các vấn đề liên quan.

3. Kết luận cuộc họp liên quan đến người dân phải được đưa tin trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân quận (trừ thông tin thuộc bí mật Nhà nước) theo quy định của pháp luật và quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân quận để thông tin công khai và kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và Nhân dân biết, thực hiện.

Điều 10. Tổ chức hội nghị đối thoại giữa Chủ tịch quận với Nhân dân

1. Hằng năm, trước kỳ họp thường kỳ của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch quận có trách nhiệm tổ chức hội nghị đối thoại với Nhân dân ở quận về tình hình hoạt động của quận và những vấn đề liên quan đến quyền lợi và nguyện vọng của công dân trên địa bàn quận.

Căn cứ vào quy mô dân số, Chủ tịch quận có thể tổ chức đối thoại với Nhân dân theo phường. Ủy ban nhân dân quận phải thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng và Ủy ban nhân dân phường để Ủy ban nhân dân phường thông báo đến các cộng đồng dân cư và tổ dân phố về thời gian, địa điểm, nội dung của hội nghị đối thoại với Nhân dân chậm nhất là 07 ngày trước ngày tổ chức hội nghị.

2. Kết quả hội nghị đối thoại giữa Chủ tịch quận với Nhân dân phải được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ở quận trước 07 ngày khai mạc kỳ họp thường kỳ gần nhất của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 11. Trách nhiệm của Chủ tịch quận và Phó Chủ tịch quận

1. Chủ tịch quận có trách nhiệm thực hiện các quy định của Luật Cán bộ, công chức, các quy định khác của pháp luật có liên quan, chấp hành quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân quận và các trách nhiệm sau:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quận;

b) Chịu trách nhiệm quản lý công chức, viên chức của quận, phường theo quy định tại Nghị định này và theo phân cấp, ủy quyền;

c) Ban hành quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân quận; ký các văn bản của Ủy ban nhân dân quận với chức danh Chủ tịch và chịu trách nhiệm về các văn bản của Ủy ban nhân dân quận.

2. Phó Chủ tịch quận có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch quận phân công, ủy quyền và chịu trách nhiệm về các chỉ đạo, quyết định của mình.

3. Chủ tịch quận hoặc Phó Chủ tịch quận vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này thì bị xem xét xử lý theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức, quy định của pháp luật có liên quan và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 12. Quan hệ công tác của Ủy ban nhân dân quận với Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

1. Chủ tịch quận chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Khi gặp những vấn đề vượt thẩm quyền, Chủ tịch quận phải báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; thực hiện chế độ báo cáo với Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân quận, các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân quận chấp hành việc kiểm tra của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thực hiện nhiệm vụ.

Điều 13. Quan hệ công tác của Ủy ban nhân dân quận với Quận ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở quận

Thực hiện theo quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân quận với Quận ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở quận và thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Ủy ban nhân dân quận chịu sự lãnh đạo của Quận ủy và báo cáo Quận ủy việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao.

2. Ủy ban nhân dân quận phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở quận trong thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Điều 14. Trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận

1. Hình thức văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận là quyết định.

2. Soạn thảo quyết định của Ủy ban nhân dân quận

a) Dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân quận do Chủ tịch quận phân công và trực tiếp chỉ đạo cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận soạn thảo. Cơ quan soạn thảo có trách nhiệm xây dựng dự thảo và tờ trình dự thảo quyết định;

b) Căn cứ vào tính chất và nội dung của dự thảo quyết định, cơ quan soạn thảo tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của quyết định. Cơ quan, tổ chức có liên quan được lấy ý

kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo quyết định. Trong trường hợp lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của quyết định thì cơ quan lấy ý kiến có trách nhiệm xác định những vấn đề cần lấy ý kiến và bảo đảm ít nhất là 07 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến để các đối tượng được lấy ý kiến góp ý vào dự thảo quyết định.

3. Thẩm định dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân quận

a) Phòng Tư pháp có trách nhiệm thẩm định dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân quận trước khi trình. Chậm nhất là 10 ngày trước ngày Ủy ban nhân dân quận họp, cơ quan soạn thảo phải gửi hồ sơ dự thảo quyết định đến Phòng Tư pháp để thẩm định;

b) Hồ sơ gửi thẩm định bao gồm: tờ trình và dự thảo quyết định; bản tổng hợp ý kiến về dự thảo quyết định; tài liệu khác (nếu có);

c) Nội dung và báo cáo thẩm định thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 121 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

d) Chậm nhất là 05 ngày trước ngày Ủy ban nhân dân quận họp, Phòng Tư pháp gửi báo cáo thẩm định đến cơ quan soạn thảo.

4. Hồ sơ dự thảo quyết định trình Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch quận

a) Cơ quan soạn thảo gửi hồ sơ dự thảo quyết định đến Ủy ban nhân dân quận chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày Ủy ban nhân dân quận họp để chuyển đến Chủ tịch quận, Phó Chủ tịch quận và người đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận;

b) Hồ sơ dự thảo quyết định trình Ủy ban nhân dân quận bao gồm: tài liệu quy định tại điểm b khoản 3 Điều này; báo cáo thẩm định của Phòng Tư pháp.

5. Trình tự xem xét, ban hành dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân quận

a) Dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân quận được lấy ý kiến thảo luận tập thể tại cuộc họp của Ủy ban nhân dân quận do Chủ tịch quận tổ chức;

b) Chủ tịch quận ký ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân quận với tư cách là người đứng đầu cơ quan ban hành.

Chương III
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUỘC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CHẾ ĐỘ
TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
THUỘC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Điều 15. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm:

- a) Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;
- b) Phòng Nội vụ;
- c) Phòng Tư pháp;
- d) Phòng Tài chính - Kế hoạch
- đ) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội;
- e) Phòng Văn hóa và Thông tin;
- g) Phòng Quản lý đô thị;
- h) Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- i) Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- k) Thanh tra quận;
- l) Phòng Kinh tế;
- m) Phòng Y tế;
- n) Phòng Khoa học và Công nghệ.

2. Căn cứ quy định tại Nghị định số 37/2014/NĐ-CP, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP và quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các phòng cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước ở thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh; quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của phòng thuộc Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Số lượng cấp phó của người đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh do Ủy ban nhân

dân thành phố thuộc thành phố Hồ Chí Minh xem xét, quyết định nhưng số lượng không quá 03 người.

Điều 16. Quản lý tài chính - ngân sách nhà nước

1. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua nội dung phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách giữa ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh với ngân sách thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định tỷ lệ điều tiết phù hợp cho ngân sách thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo nguồn lực thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định. Sau khi ngân sách thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh bảo đảm đủ nguồn cải cách tiền lương và thực hiện các chính sách an sinh, xã hội cho thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của cấp có thẩm quyền, Hội đồng nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh được quyết định sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương IV

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG, CHẾ ĐỘ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG

Điều 17. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân phường

1. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân phường gồm:

a) Chủ tịch phường;

b) Phó Chủ tịch phường;

c) Trưởng Công an phường;

d) Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự phường;

đ) Các công chức khác: Văn phòng - Thống kê; Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường; Tài chính - Kế toán; Tư pháp - Hộ tịch; Văn hóa - Xã hội.

2. Công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường là người được tuyển dụng, bổ nhiệm giữ chức danh thuộc cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân phường (trừ điểm c khoản 1 Điều này).

Điều 18. Nguyên tắc hoạt động và làm việc của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch phường

1. Ủy ban nhân dân phường làm việc theo chế độ thủ trưởng. Chủ tịch phường là người đứng đầu, có trách nhiệm lãnh đạo, quản lý, điều hành Ủy ban nhân dân phường làm việc theo quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân phường, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ và tuân thủ các quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch phường tổ chức cuộc họp để thảo luận tập thể về các vấn đề quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 9 Nghị quyết số 131/2020/QH14 trước khi quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Tập thể quy định tại khoản này gồm: Chủ tịch phường, Phó Chủ tịch phường, Trưởng Công an phường, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự phường và các công chức khác có liên quan.

3. Chủ tịch phường được ủy quyền cho công chức giữ chức danh Tư pháp - Hộ tịch thực hiện ký chứng thực và đóng dấu của Ủy ban nhân dân phường đối với việc chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận; chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản theo quy định của pháp luật.

Công chức Tư pháp - Hộ tịch được ủy quyền phải có kinh nghiệm từ 3 năm công tác trở lên ở lĩnh vực Tư pháp - Hộ tịch.

4. Phó Chủ tịch phường giúp Chủ tịch phường giải quyết các công việc theo phân công của Chủ tịch phường, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch phường và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

Khi Chủ tịch phường vắng mặt, một Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy nhiệm thay mặt Chủ tịch điều hành và giải quyết công việc của Ủy ban nhân dân phường.

5. Trường hợp khuyết Chủ tịch phường thì Chủ tịch quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định giao quyền Chủ tịch phường cho một Phó Chủ tịch phường cho đến khi có Chủ tịch phường mới.

6. Hoạt động của Ủy ban nhân dân phường nhằm bảo đảm đáp ứng sự hài lòng của người dân, tuân thủ trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền được giao, theo đúng quy định của pháp luật và quy chế làm việc của phường.

7. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng dịch vụ công trực tuyến vào giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức tại phường theo quy định của pháp luật, bảo đảm các hoạt động của Ủy ban nhân dân phường phải dân chủ, công khai, minh bạch, thống nhất, thông suốt.

Điều 19. Tổ chức các cuộc họp của Ủy ban nhân dân phường

1. Việc tổ chức các cuộc họp của Ủy ban nhân dân phường thực hiện theo quy chế làm việc, do Chủ tịch phường triệu tập để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Khi nội dung cuộc họp có các vấn đề liên quan, Chủ tịch phường mời Bí thư đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam của phường, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội của phường, bí thư chi bộ, tổ trưởng tổ dân phố, đại diện cơ quan chuyên môn có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh tham gia cuộc họp thường kỳ và các cuộc họp khác của Ủy ban nhân dân phường.

3. Kết luận cuộc họp liên quan đến người dân phải được đưa tin trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân phường (trừ thông tin thuộc bí mật Nhà nước) theo quy định của pháp luật và quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân phường để thông tin công khai và kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và Nhân dân biết, thực hiện.

Điều 20. Tổ chức hội nghị đối thoại giữa Chủ tịch phường với Nhân dân

1. Hằng năm, trước kỳ họp thường kỳ của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch phường có trách nhiệm tổ chức hội nghị đối thoại với Nhân dân ở phường về tình hình hoạt động của Ủy ban nhân dân phường, những vấn đề liên quan đến quyền lợi và nguyện vọng của công dân ở địa phương. Trường hợp do quy mô dân số, có thể tổ chức trao đổi, đối thoại với Nhân dân qua các đại diện tổ dân phố. Ủy ban nhân dân phường phải thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông báo đến Tổ trưởng tổ dân phố về thời gian, địa điểm, nội dung của hội nghị đối thoại với Nhân dân chậm nhất là 07 ngày trước ngày tổ chức hội nghị.

2. Kết quả hội nghị đối thoại giữa Chủ tịch phường thuộc quận với Nhân dân phải được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch quận và Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ở quận.

Kết quả hội nghị đối thoại giữa Chủ tịch phường thuộc thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh với Nhân dân phải được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 21. Trách nhiệm của Chủ tịch phường

1. Chủ tịch phường là người đứng đầu Ủy ban nhân dân phường, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân phường.

2. Trực tiếp sử dụng và quản lý công chức của phường theo quy định tại Nghị định này và theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Chủ tịch phường chịu trách nhiệm quản lý toàn diện mọi hoạt động của Ủy ban nhân dân phường.

4. Ký các văn bản của Ủy ban nhân dân phường với chức danh Chủ tịch, người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước ở phường và chịu trách nhiệm về các văn bản của Ủy ban nhân dân phường.

5. Thực hiện nghĩa vụ của công chức và chấp hành quy định về những việc công chức không được làm quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 22. Trách nhiệm của Phó Chủ tịch phường

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân phường trong phạm vi lĩnh vực được Chủ tịch phường phân công.

2. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch phường, trước pháp luật khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong phạm vi lĩnh vực được phân công.

3. Ký thay Chủ tịch phường các văn bản của Ủy ban nhân dân phường khi được Chủ tịch phường phân công, ủy quyền.

4. Thực hiện nghĩa vụ của công chức và chấp hành quy định về những việc công chức không được làm quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 23. Trách nhiệm của các công chức khác của phường

1. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch phường và Phó Chủ tịch phường phụ trách trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực chuyên môn được Chủ tịch phường phân công theo đúng quy định của pháp luật.

2. Chủ động tham mưu, đề xuất giải quyết công việc được giao theo đúng quy định về thời gian, kết quả và thẩm quyền; tận tụy phục vụ Nhân dân, không gây khó khăn, phiền hà cho Nhân dân. Nếu vấn đề giải quyết vượt

thẩm quyền, phải báo cáo Chủ tịch phường hoặc Phó Chủ tịch phường phụ trách xem xét, quyết định.

3. Tuân thủ quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân phường, chấp hành nghiêm túc sự phân công nhiệm vụ của Chủ tịch phường; giải quyết công việc theo đúng chức trách, nhiệm vụ được giao, bảo đảm tiến độ, chất lượng công việc.

4. Không chuyển công việc thuộc trách nhiệm của mình cho công chức khác khi không có sự đồng ý của cấp có thẩm quyền; không tự ý giải quyết các công việc thuộc trách nhiệm của công chức khác. Trường hợp nội dung công việc có liên quan đến công chức khác mà có ý kiến khác nhau thì phải báo cáo Chủ tịch phường xem xét, quyết định.

5. Công chức Tư pháp - Hộ tịch chịu trách nhiệm trước Chủ tịch phường và pháp luật về việc thực hiện nội dung được ủy quyền tại khoản 3 Điều 18 Nghị định này, không được ủy quyền tiếp cho cá nhân khác thực hiện nội dung đã được ủy quyền.

6. Chịu trách nhiệm lập, bảo quản, lưu trữ hồ sơ tài liệu liên quan đến công tác chuyên môn; thực hiện chế độ báo cáo kịp thời, chính xác tình hình lĩnh vực công việc được giao theo quy định với Chủ tịch, Phó Chủ tịch phường phụ trách.

7. Thực hiện nghĩa vụ của công chức và chấp hành quy định về những việc công chức không được làm quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 24. Quan hệ công tác của Ủy ban nhân dân phường và Chủ tịch phường với Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch quận và Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh

1. Chủ tịch phường chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh. Khi gặp những vấn đề vượt thẩm quyền, Chủ tịch phường phải báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh; thực hiện chế độ báo cáo với Chủ tịch quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân phường chấp hành việc kiểm tra, giữ mối liên hệ chặt chẽ và tuân thủ sự hướng dẫn nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh trong thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn phường.

Điều 25. Quan hệ công tác của Ủy ban nhân dân phường, Chủ tịch phường với Hội đồng nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh

1. Ủy ban nhân dân và Chủ tịch phường chịu sự giám sát của Hội đồng nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình hoạt động, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn; việc tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hằng quý, báo cáo kết quả hoạt động với Hội đồng nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh. Chủ tịch phường chịu trách nhiệm giải trình các vấn đề có liên quan trước Hội đồng nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh khi có yêu cầu.

Điều 26. Quan hệ công tác của Ủy ban nhân dân phường, Chủ tịch phường với Đảng ủy phường

Ủy ban nhân dân và Chủ tịch phường chịu sự lãnh đạo của Đảng ủy phường trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân quận giao và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Quan hệ công tác của Ủy ban nhân dân phường, Chủ tịch phường với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường

Ủy ban nhân dân, Chủ tịch phường phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường trong thực hiện các nhiệm vụ công tác, chăm lo đời sống và bảo vệ lợi ích của nhân dân; tạo điều kiện cho các tổ chức này hoạt động có hiệu quả; định kỳ hàng tháng hoặc khi thấy cần thiết thông báo về tình hình phát triển kinh tế - xã hội địa phương và các hoạt động của Ủy ban nhân dân phường để các tổ chức này biết và phối hợp, vận động nhân dân chấp hành đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Điều 28. Quan hệ công tác của Chủ tịch phường với Tổ dân phố

1. Chủ tịch phường phải thông tin kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các văn bản chỉ đạo điều hành của cơ quan nhà nước cấp trên và của Ủy ban nhân dân phường đến các tổ dân phố để triển khai thực hiện; kiểm tra việc thực hiện các chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước trên địa bàn; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân,

thực hiện tốt các quy định về thực hiện dân chủ ở phường, hoạt động tự quản của tổ dân phố.

2. Chủ tịch phường phân công các công chức của phường phụ trách, nắm tình hình tại các tổ dân phố. Hằng tháng, các công chức của phường được phân công làm việc với Tổ trưởng tổ dân phố thuộc địa bàn phụ trách hoặc trực tiếp tham dự các cuộc họp của tổ dân phố để nghe phản ánh tình hình, kiến nghị và giải quyết các khiếu nại của Nhân dân theo quy định của pháp luật.

Chương V

TUYỂN DỤNG, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ CÔNG CHỨC LÀM VIỆC TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN, ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG

Điều 29. Biên chế công chức phường

1. Biên chế công chức bình quân làm việc tại Ủy ban nhân dân phường là 15 người. Số bình quân này được tính cho tổng số phường của một quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định số lượng biên chế công chức của Ủy ban nhân dân phường ở từng quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh trong tổng số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao.

3. Căn cứ vào các khoản 1, 2 Điều này và yêu cầu nhiệm vụ của từng phường, Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh quyết định cụ thể số lượng công chức của từng vị trí chức danh công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường.

Điều 30. Tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân phường

1. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện hoặc phân cấp, ủy quyền cho Chủ tịch quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và phường trực thuộc.

2. Việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và phường thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, quy định của Chính phủ về

tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và vị trí chức danh quy định tại Điều 17 Nghị định này.

Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự phường, việc bổ nhiệm thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 23 Luật Dân quân tự vệ.

3. Căn cứ vào số lượng, vị trí chức danh công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận, phường và nhu cầu tuyển dụng, Chủ tịch quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng kế hoạch tuyển dụng, gửi Sở Nội vụ thống nhất trước khi thực hiện (trường hợp được Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phân cấp hoặc ủy quyền).

4. Chủ tịch phường trực tiếp sử dụng, quản lý công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường theo các nội dung sau:

- a) Bố trí, phân công nhiệm vụ và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ;
- b) Thực hiện hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật;
- c) Thực hiện hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, nâng lương, đánh giá, xếp loại chất lượng, khen thưởng, kỷ luật theo quy định;
- d) Thực hiện việc thống kê và báo cáo cấp có thẩm quyền về tình hình đội ngũ công chức theo quy định;
- đ) Thực hiện các nội dung khác theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 31. Trình tự bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, biệt phái, miễn nhiệm, từ chức các chức danh lãnh đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân quận, phường

Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, biệt phái, miễn nhiệm, từ chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch quận, phường và các chức danh lãnh đạo, quản lý khác của Ủy ban nhân dân quận thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và quy định của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

Điều 32. Thời hạn bổ nhiệm các chức vụ lãnh đạo, quản lý của quận, phường

- 1. Thời hạn bổ nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch quận, phường cho mỗi lần bổ nhiệm là 5 năm, tính từ thời điểm quyết định bổ nhiệm có hiệu lực.

2. Chủ tịch quận, phường không giữ chức vụ quá 10 năm liên tục ở cùng một đơn vị hành chính quận, phường.

3. Chủ tịch, Phó Chủ tịch quận, phường khi hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm thì cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phải tiến hành quy trình xem xét, bổ nhiệm lại hoặc kéo dài thời gian giữ chức vụ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 33. Khen thưởng, kỷ luật đối với công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận, phường

Trình tự, thủ tục và thẩm quyền khen thưởng, kỷ luật đối với công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận, phường thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Thi đua khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 34. Tạm đình chỉ công tác đối với công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận, phường

1. Công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận, phường nếu vi phạm kỷ luật lao động hoặc vi phạm pháp luật có văn bản yêu cầu hoặc đã được xác định bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền thì có thể bị tạm đình chỉ công tác.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Chủ tịch quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch phường theo phân cấp quản lý công chức ban hành quyết định tạm đình chỉ công tác khi có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương VI
LẬP DỰ TOÁN, CHẤP HÀNH VÀ QUYẾT TOÁN
NGÂN SÁCH QUẬN, PHƯỜNG

Điều 35. Lập dự toán ngân sách

1. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách địa phương; phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho từng cấp ngân sách ở địa phương (đối với ngân sách cấp Thành phố Hồ Chí Minh và ngân sách huyện, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, ngân sách xã, thị trấn); hướng dẫn cụ thể yêu cầu, nội dung, tài liệu xây dựng, lập, điều chỉnh dự toán ngân sách quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, ngân sách phường đảm bảo phù hợp với yêu cầu, nội dung và thời gian lập dự toán ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Lập dự toán ngân sách hằng năm:

a) Ủy ban nhân dân phường thuộc thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh lập dự toán thu, chi ngân sách phường gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, tổng hợp cùng với dự toán ngân sách của các đơn vị dự toán trực thuộc thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

Hội đồng nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh quyết định dự toán ngân sách, phân bổ ngân sách năm sau của cấp mình chậm nhất là 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định dự toán và phân bổ ngân sách.

b) Ủy ban nhân dân phường thuộc quận lập dự toán thu, chi ngân sách phường gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch quận xem xét, tổng hợp cùng với dự toán ngân sách của các đơn vị dự toán trực thuộc quận trình Ủy ban nhân dân quận, gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

c) Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định dự toán ngân sách, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao dự toán ngân sách năm sau cho Ủy ban nhân dân từng quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

d) Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, Ủy ban nhân dân quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh phải hoàn thành việc giao dự toán ngân sách năm sau cho từng phường, từng cơ quan, đơn vị dự toán trực thuộc.

Điều 36. Chấp hành ngân sách

1. Phân bổ giao dự toán ngân sách:

a) Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định giao dự toán của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân quận thực hiện phân bổ và giao dự toán ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc và từng phường, gửi Sở Tài chính, đồng thời gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện.

b) Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện phân bổ và giao dự toán ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc và từng phường, gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện.

c) Việc phân bổ và giao dự toán phải bảo đảm thời hạn và yêu cầu quy định tại Điều 49 và Điều 50 của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Ngân sách nhà nước.

2. Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường tổ chức thực hiện dự toán thu, chi ngân sách được giao; nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản phải nộp ngân sách theo quy định của pháp luật; chi đúng chế độ, chính sách, đúng mục đích, đúng đối tượng, theo tiến độ thực hiện và trong phạm vi dự toán được giao.

3. Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng ngân sách theo dự toán được giao, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách.

4. Việc điều chỉnh dự toán ngân sách quận, phường trong quá trình chấp hành ngân sách thực hiện theo quy định tại Điều 53 Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Ngân sách nhà nước.

Việc điều chỉnh dự toán ngân sách thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện theo quy định tại Điều 52 Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 37. Quyết toán ngân sách nhà nước

1. Hằng năm, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, phối hợp với cơ quan thuế, Kho bạc Nhà nước và các ban, ngành liên quan xét duyệt quyết toán các cơ quan, đơn vị trực thuộc và tổng hợp quyết toán ngân sách quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

a) Ủy ban nhân dân phường thuộc quận lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách phường hằng năm, báo cáo Phòng Tài chính - Kế hoạch quận để xét duyệt và tổng hợp, lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách quận, báo cáo Ủy ban nhân dân quận gửi Sở Tài chính.

b) Ủy ban nhân dân phường thuộc thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách phường hằng năm, báo cáo Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh để xét duyệt và tổng hợp, lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách thành phố thuộc

Thành phố Hồ Chí Minh, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê chuẩn.

Thời gian Hội đồng nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân cùng cấp gửi báo cáo quyết toán ngân sách đến các cơ quan do Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định.

2. Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh thẩm định, tổng hợp quyết toán ngân sách quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê chuẩn.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH, BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI, ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM VÀ CÁC HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT KHÁC

Điều 38. Nhiệm vụ về quốc phòng

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về quốc phòng tại quận, phường theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền giao về quốc phòng ở quận, phường.

b) Tổ chức thực hiện xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân; xây dựng thực lực, tiềm lực quốc phòng; xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc toàn diện; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân địa phương; thực hiện giáo dục quốc phòng và an ninh; tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, tiếp nhận, tạo điều kiện giải quyết việc làm cho quân nhân xuất ngũ; phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân có liên quan trong xây dựng khu vực phòng thủ theo quy định của pháp luật.

c) Tổ chức thực hiện việc xây dựng, huấn luyện, hoạt động, bảo đảm chế độ, chính sách đối với lực lượng dự bị động viên, Dân quân tự vệ tại địa phương theo quy định của pháp luật.

d) Phối hợp xây dựng, quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng, khu quân sự, khu kinh tế - quốc phòng trên địa bàn; thực hiện các biện pháp phòng thủ dân sự; chính sách hậu phương quân đội; chính sách ưu đãi người có công với

cách mạng; chi viện nhân lực, vật lực, tài chính cho lực lượng vũ trang nhân dân hoạt động trên địa bàn khi làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp, tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, tình trạng chiến tranh theo quy định của pháp luật.

đ) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác về quốc phòng theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch quận, phường đề xuất và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này do Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao.

Điều 39. Nhiệm vụ về an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ về an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội tại quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh phường theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội do cấp có thẩm quyền giao.

b) Tổ chức thực hiện xây dựng nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân vững mạnh, tham gia xây dựng lực lượng công an nhân dân, góp phần tăng cường tiềm lực bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; thực hiện giáo dục quốc phòng và an ninh theo quy định của pháp luật.

c) Giao Ủy ban nhân dân quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, phường chỉ đạo Công an quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, phường thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn quận, thành phố thuộc Thành phố, phường; thực hiện chế độ, chính sách đối với các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ sở; chủ trì hoặc phối hợp xây dựng, quản lý, bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia trên địa bàn quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, phường.

d) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, phường phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, phường và các tổ chức thành viên, các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh và trật tự, an toàn xã hội ở quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, phường.

đ) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, phường chấp hành việc kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trên địa bàn quận, phường, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh; tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh và trật tự, an toàn xã hội ở quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, phường.

2. Chủ tịch quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, phường đề xuất và thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này do Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao.

Điều 40. Nhiệm vụ phòng chống các hành vi vi phạm pháp luật

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ về phòng chống các hành vi vi phạm pháp luật tại địa phương theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

1. Thực hiện xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
2. Tổ chức thực hiện các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 41. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 42. Điều khoản chuyển tiếp

1. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2021, Chủ tịch, Phó Chủ tịch phường, công chức cấp xã ở phường được bầu hoặc tuyển dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2021 được chuyển thành công chức làm việc tại phường đang công tác; trường hợp chuyển sang vị trí việc làm mới thì công chức phải bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn phù hợp vị trí việc làm đó.

Phòng Nội vụ rà soát hồ sơ cán bộ, công chức cấp xã đang làm việc tại Ủy ban nhân dân phường để báo cáo Chủ tịch quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ, Chủ tịch quận, Chủ tịch thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định chuyển cán bộ, công chức cấp xã đang làm việc tại Ủy ban nhân dân phường thành công chức thuộc biên chế Ủy ban nhân dân quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường do Chủ tịch quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản đề nghị Sở Nội vụ xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật và phân cấp.

2. Thời gian giữ chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch quận, phường trước ngày 01 tháng 7 năm 2021 được tính vào thời gian giữ chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch quận, phường quy định tại các khoản 1, 2 Điều 32 của Nghị định này.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức phường đáp ứng tiêu chuẩn công chức và yêu cầu công việc.

Điều 43. Bố trí, sắp xếp và giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại quận, thành phố Thủ Đức và các phường

1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo việc sắp xếp, bố trí và giải quyết chế độ, chính sách đối với:

a) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân quận, phường;

b) Các trường hợp đang là Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường nhưng không được bổ nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch quận, phường khi thực hiện Nghị quyết số 131/2020/QH14 và Nghị định này.

2. Số lượng lãnh đạo, quản lý và biên chế công chức, viên chức của các cơ quan, tổ chức đơn vị tại thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021.

3. Cán bộ, công chức cấp xã đang làm việc ở Ủy ban nhân dân phường khi không được chuyển thành công chức thì thực hiện giải quyết chế độ, chính sách theo quy định tại Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ thôi tái cử cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp; Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP; Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP; Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức và các quy định khác có liên quan.

4. Ngoài những chế độ, chính sách quy định khoản 3 Điều này, trên cơ sở cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành chính sách hỗ trợ đối với cán bộ,

công chức ở phường thuộc diện giải quyết chế độ, chính sách quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

Điều 44. Tổ chức thực hiện dự toán ngân sách quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và ngân sách phường năm 2021

1. Về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách

a) Nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách quận, các phường thuộc quận đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định được tiếp tục thực hiện đến hết năm ngân sách 2021.

b) Nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách giữa ngân sách cấp Thành phố Hồ Chí Minh với ngân sách thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và các phường thuộc thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh do Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định.

Nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách giữa ngân sách cấp thành phố Hồ Chí Minh với ngân sách thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và các phường thuộc thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh sau khi được Hội đồng nhân dân thành phố quyết định được thực hiện đến hết năm ngân sách 2021.

2. Tổ chức điều hành dự toán ngân sách đơn vị dự toán ngân sách năm 2021 của quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, phường:

a) Đối với ngân sách quận, phường thuộc quận:

- Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021, căn cứ dự toán ngân sách năm 2021 đã được Hội đồng nhân dân quận, phường quyết định, Ủy ban nhân dân các quận, phường thực hiện điều hành ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

- Từ ngày 01 tháng 7 năm 2021, Ủy ban nhân dân quận, phường thực hiện điều hành ngân sách trong phạm vi dự toán còn lại của năm 2021 đã được Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định. Trong quá trình điều hành ngân sách phát sinh phải thực hiện điều chỉnh dự toán ngân sách thì được phép điều chỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị dự toán cấp I; trường hợp vượt thẩm quyền, Ủy ban nhân dân phường báo cáo Ủy ban nhân dân quận để tổng hợp, báo cáo Sở Tài chính để báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, quyết định, báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

b) Đối với ngân sách thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, phường thuộc thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh:

- Đối với ngân sách thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ dự

toán ngân sách năm 2021 đã được Hội đồng nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh quyết định, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện điều hành ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

- Đối với các phường thuộc thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh:

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021, căn cứ dự toán ngân sách năm 2021 đã được Hội đồng nhân dân phường quyết định, Ủy ban nhân dân phường thực hiện điều hành ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2021, Ủy ban nhân dân phường thực hiện điều hành ngân sách trong phạm vi dự toán còn lại của năm 2021 đã được Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định. Trong quá trình điều hành ngân sách phát sinh phải thực hiện điều chỉnh dự toán ngân sách thì được phép điều chỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị dự toán cấp I; trường hợp vượt thẩm quyền, Ủy ban nhân dân phường báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh trình Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, quyết định, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.

Căn cứ các nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hướng dẫn các quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, các phường thực hiện.

3. Công tác quyết toán ngân sách quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, phường năm ngân sách 2021

a) Kết thúc năm ngân sách 2021, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân phường thực hiện công tác kế toán, gồm: Khóa sổ kế toán; kiểm kê tài sản; xác định nợ chưa thanh toán; lập báo cáo tài chính; lập biên bản bàn giao; giao, nhận bàn giao tài liệu, dữ liệu kế toán theo đúng quy định;

b) Chuyển kết dư ngân sách quận, phường; nguồn cải cách tiền lương ngân sách quận, phường và các khoản cần phải chuyển khác về ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh quản lý theo đúng quy định. Riêng đối với các phường thuộc thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện chuyển các nội dung quy định tại điểm này về ngân sách thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 45. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại Nghị quyết số 131/2020/QH14 và Nghị định này.

2. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị định này. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy chế làm việc mẫu của Ủy ban nhân dân quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và phường.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (2). 110

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc